

**BỘ TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ số 31/2004/TT-BTC**  
**ngày 12/4/2004 hướng dẫn thực**  
**hiện Nghị định số 118/2003/**  
**NĐ-CP ngày 13/10/2003 của**  
**Chính phủ quy định xử phạt**  
**vi phạm hành chính trong lĩnh**  
**vực kinh doanh bảo hiểm.**

*Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2001/QH10 ngày 09/12/2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002;*

*Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2003/NĐ-CP ngày 13/10/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:*

**I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng**

1.1. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm được áp dụng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là “cá nhân, tổ chức”) có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

1.2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm quy định tại Chương II Nghị định số 118/2003/NĐ-CP ngày 13/10/2003 (gọi tắt là Nghị định số 118/2003/NĐ-CP).

b) Cá nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm quy định tại Nghị định số 118/2003/NĐ-CP, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

**2.** Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phải tuân theo các quy định chung về xử phạt vi phạm hành chính nêu tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002 (gọi tắt là Pháp lệnh), Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (gọi tắt là Nghị định số 134/2003/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật có liên quan.

LawSofit \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.TuuVienPhapLuat.com

3. Trong trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính lập hồ sơ chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để điều tra, giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước. Chế độ quản lý biên lai thu tiền phạt và tiền nộp phạt thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

## II. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH THẨM QUYỀN XỬ PHẠT

1. Chỉ những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 25 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP mới có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, với hình thức và mức phạt trong phạm vi thẩm quyền quy định. Không được phép tách một vi phạm thành nhiều vi phạm nhỏ hoặc gộp nhiều vi phạm nhỏ thành một vi phạm lớn hơn nhằm mục đích thay đổi thẩm quyền xử phạt.

2. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhưng không thuộc thẩm quyền xử phạt của mình, các cơ quan chức năng phải chuyển giao hồ sơ vi phạm cho người có

thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để xem xét, xử phạt theo quy định tại Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.

3. Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì người đầu tiên thụ lý vụ việc sẽ ra quyết định xử phạt.

4. Trong trường hợp, các hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của một người thì người đó sẽ ra một quyết định xử phạt chung, nhưng phải ghi rõ từng hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt đối với từng hành vi.

5. Trong trường hợp, một trong các hành vi vi phạm có thể bị xử lý theo hình thức và mức xử phạt không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền của người xử phạt thì người đó phải chuyển toàn bộ hồ sơ lên cấp có thẩm quyền để xem xét, quyết định trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

6. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh thanh tra Sở Tài chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP được quy định cụ thể như sau:

6.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70 triệu đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11, khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.

6.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20 triệu đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11, khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.

6.3. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20 triệu đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 6, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11, khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.

### III. ÁP DỤNG HÌNH THỨC XỬ PHẠT

1. Người ra quyết định xử phạt phải căn cứ vào mức độ, tính chất của hành vi vi phạm được quy định tại Chương II Nghị định số 118/2003/NĐ-CP để quyết định việc áp dụng hình thức xử phạt phù hợp.

2. Việc áp dụng mức phạt tiền, kể cả khi vận dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, đều không được thấp hơn hoặc vượt quá khung phạt tiền đã quy định.

3. Mức tiền phạt cụ thể do người có thẩm quyền xử phạt quyết định trong từng trường hợp căn cứ vào khung tiền phạt được quy định tại Nghị định số 118/2003/NĐ-CP, tính chất, mức độ vi phạm và chủ thể thực hiện hành vi vi phạm.

4. Mức tối thiểu của khung phạt tiền được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính lần đầu, do lỗi vô ý và có tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 8 của Pháp lệnh.

5. Việc xác định mức trung bình của khung tiền phạt được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP.

6. Mức tối đa của khung phạt tiền được áp dụng đối với hành vi vi phạm có nhiều tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh.

7. Chỉ được áp dụng một trong hai hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính.

8. Các hình thức xử phạt bổ sung không được áp dụng độc lập mà phải áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

#### IV. THỦ TỤC XỬ PHẠT

1. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm được thực hiện theo các quy định tại Chương IV Nghị định số 134/2003/NĐ-CP. Các mẫu biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Do tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm nên:

2.1. Thủ tục xử phạt đơn giản theo quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh và Điều 19 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP sẽ không áp dụng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Mọi trường hợp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm đều phải căn cứ trên biên bản vi phạm hành chính do cơ quan và người có thẩm quyền lập theo nội dung và hình thức do pháp luật quy định.

2.2. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm áp dụng theo quy định tại

khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 21 của Nghị định số 134/2003/NĐ-CP.

3. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Pháp lệnh.

#### V. HÀNH VI VI PHẠM

Một số hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 118/2003/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép đặt văn phòng đại diện (sau đây gọi tắt là "giấy phép") theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.

1.1. Không công bố hoặc công bố sai sự thật nội dung hoạt động theo các quy định của pháp luật có liên quan là việc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không tuân thủ quy định về đăng báo những nội dung chủ yếu của giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 42/2001/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/8/2001 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

1.2. Không hoạt động sau 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép là việc doanh nghiệp bảo hiểm không tiến hành bất kỳ hoạt động nào được quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Kinh doanh bảo hiểm; doanh nghiệp môi giới bảo hiểm không tiến hành bất kỳ hoạt động nào

được quy định tại Điều 90 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

1.3. Chậm công bố so với thời hạn quy định các nội dung thay đổi theo quy định là việc sau 30 ngày kể từ ngày được Bộ Tài chính chấp thuận việc thay đổi, doanh nghiệp bảo hiểm vẫn chưa công bố các nội dung thay đổi đã được chấp thuận theo quy định của pháp luật.

1.4. Kinh doanh hoặc hoạt động không đúng với nội dung ghi trong giấy phép là việc doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, văn phòng đại diện của công ty bảo hiểm, công ty môi giới bảo hiểm nước ngoài hoạt động trái hoặc ngoài các nội dung được quy định trong giấy phép liên quan đến lĩnh vực hoạt động, nghiệp vụ hoạt động được phép tiến hành, địa bàn hoạt động, đối tượng khách hàng và thời hạn hoạt động.

1.5. Nhận dịch vụ môi giới bảo hiểm do doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài không được phép hoạt động tại Việt Nam cung cấp là việc doanh nghiệp bảo hiểm trong nước nhận các dịch vụ môi giới bảo hiểm cho những rủi ro phát sinh tại Việt Nam do doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có trụ sở ở nước ngoài và không được phép hoạt động kinh doanh tại Việt Nam cung cấp.

2. Khuyến mại bất hợp pháp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP là việc doanh nghiệp sử dụng các hình thức khuyến mại mà Luật Thương mại và các văn bản

pháp luật khác có quy định cấm, bao gồm:

a) Khuyến mại các sản phẩm bảo hiểm chưa đăng ký, chưa được Bộ Tài chính ban hành, phê chuẩn;

b) Khuyến mại thiếu trung thực hoặc gây hiểu lầm về dịch vụ bảo hiểm để lừa dối khách hàng;

c) Khuyến mại làm ảnh hưởng tới cảnh quan môi trường;

d) Hứa hẹn tặng phẩm, giải thưởng nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng;

đ) Các hình thức khuyến mại khác bị cấm theo quy định của pháp luật.

3. Ép buộc giao kết hợp đồng bảo hiểm trái pháp luật theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP là việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân sử dụng ảnh hưởng, các biện pháp hành chính, hoặc những hình thức gây sức ép khác để buộc người có nhu cầu bảo hiểm phải tham gia bảo hiểm tại một doanh nghiệp bảo hiểm, hay doanh nghiệp bảo hiểm phải nhận dịch vụ môi giới bảo hiểm, môi giới tái bảo hiểm trái với ý muốn của họ.

4. Hành vi trục lợi trong việc tham gia bảo hiểm, bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm và giải quyết khiếu nại bảo hiểm theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP là hành vi cố ý lừa dối của tổ chức, cá nhân nhằm thu lợi bất chính khi tham gia bảo hiểm, yêu

câu, giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm, giải quyết khiếu nại bảo hiểm.

Đồng lõa với người thụ hưởng bảo hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP là hành vi cấu kết với người được thụ hưởng bảo hiểm giả mạo giấy tờ, cung cấp thông tin sai sự thật, dựng hiện trường giả hoặc những hành vi trái pháp luật khác trong quá trình yêu cầu giải quyết, giải quyết bồi thường bảo hiểm và trả tiền bảo hiểm.

**5. Vi phạm các quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 118/2003/NĐ-CP.**

5.1. Hành vi trì hoãn, lẩn tránh hoặc có thủ đoạn đối phó bao gồm:

a) Không cung cấp hoặc cố tình kéo dài thời gian cung cấp các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra, thanh tra.

b) Không bố trí, bố trí không kịp thời hoặc bố trí người không có trách nhiệm làm việc với các đoàn kiểm tra, thanh tra.

c) Không cung cấp đúng với thực tế các thông tin, báo cáo, chứng từ, sổ kế toán và những hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của đoàn kiểm tra, thanh tra.

d) Các hành vi trì hoãn, lẩn tránh hoặc thủ đoạn đối phó khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Can thiệp vào việc xử lý của các cơ

quan thanh tra, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bao gồm:

a) Cung cấp thông tin không đúng với cơ quan hành chính cấp trên nhằm gây sức ép với cơ quan có trách nhiệm xử lý.

b) Cung cấp thông tin không đúng sự thật cho các phương tiện thông tin đại chúng nhằm gây sức ép cản trở việc xử lý.

c) Đe dọa hoặc dùng các hình thức khác để cản trở cơ quan xử lý.

## VI. PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG TRONG VIỆC XỬ PHẠT

1. Trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương, nếu phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, trước khi ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm trao đổi ý kiến bằng văn bản với Bộ Tài chính.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản, Bộ Tài chính có trách nhiệm trả lời bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt ý kiến của mình về việc xử phạt.

Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính người có thẩm quyền xử phạt ở địa phương ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

2. Những hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm và trái với quy định về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực khác như thuế, chế độ kế toán, đăng ký kinh doanh v.v... sẽ được xử lý theo các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong những lĩnh vực chuyên ngành có liên quan.

3. Trong trường hợp, hành vi vi phạm của một tổ chức, cá nhân xảy ra trên nhiều địa phương khác nhau, thì cơ quan phát hiện hành vi vi phạm phải lập biên bản vi phạm hành chính, đình chỉ vi phạm và thông báo cho cơ quan Thanh tra Bộ Tài chính để cùng phối hợp xử lý vi phạm.

4. Quyết định của Thanh tra Sở Tài chính và Thanh tra Bộ Tài chính về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phải được gửi cho Ủy ban nhân dân địa phương nơi hành vi vi phạm hành chính bị phát hiện và xử lý để theo dõi và đảm bảo thi hành.

5. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi ra quyết định xử phạt, người ra

quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm có trách nhiệm gửi một bản sao của quyết định đến Bộ Tài chính để theo dõi và phối hợp giải quyết.

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Chánh Thanh tra Bộ Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong hệ thống thanh tra tài chính nắm vững và thực hiện nghiêm túc việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Lê Thị Bằng Tâm**

**Mẫu biên bản vi phạm hành chính**

(ban hành kèm theo Thông tư số /2004/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2004 của Bộ Tài chính).

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BB-VPHC

A<sup>1</sup>....., ngày.....tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ  
 LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM**

Hôm nay, hồi.....giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại .....

Chúng tôi gồm<sup>2</sup>:

1..... Chức vụ: .....

2..... Chức vụ: .....

3..... Chức vụ: .....

Với sự chứng kiến của:<sup>3</sup>

1. Ông/Bà..... Nghề nghiệp/chức vụ.....

Địa chỉ thường trú (tạm trú):.....

Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....; Nơi cấp: .....

2..... Nghề nghiệp/chức vụ: ..... Địa chỉ thường trú:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:..... ; Nơi cấp: .....

.....

**Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm đối với:**

Ông (bà)/tổ chức<sup>4</sup>:..... Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): .....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc Đăng ký kinh doanh.....

<sup>1</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>2</sup> Ghi rõ họ tên, chức vụ người lập biên bản.

<sup>3</sup> Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

<sup>4</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.



Cấp ngày.....tại .....

Đã có các hành vi vi phạm hành chính như sau <sup>5</sup>:.....

*Các hành vi trên đã vi phạm vào Điều.....khoản.....điểm.....của Nghị định số 118/2003/NĐ-CP ngày 13/10/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm*

**Người bị thiệt hại/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):**

Họ tên: .....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc Đăng ký kinh doanh.....

Cấp ngày.....tại .....

*Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính /đại diện tổ chức vi phạm hành chính:*

*Ý kiến trình bày của người làm chứng:*

*Ý kiến trình bày của người /đại diện tổ chức bị thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra (nếu có):*

Người có thẩm quyền xử phạt đã yêu cầu Ông (bà)/tổ chức đình chỉ ngay hành vi vi phạm.

**Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính được áp dụng gồm:**

.....

Chúng tôi tạm giữ những tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính và giấy tờ sau để chuyển về:..... để cấp có thẩm quyền giải quyết.

Số thứ tự	Tên tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng <sup>6</sup>	Ghi chú <sup>7</sup>

<sup>5</sup> Ghi cụ thể giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả hành vi vi phạm.

<sup>6</sup> Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký, nếu là ngoại tệ ghi xê ri của từng tờ.

<sup>7</sup> Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm (hoặc đại diện của tổ chức vi phạm), có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của Ông (bà)...

Ngoài những tang vật, phương tiện, giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Yêu cầu Ông (bà)/đại diện tổ chức vi phạm có mặt tại<sup>8</sup>.....lúc.....giờ.....ngày..... tháng.....năm..... để giải quyết vụ vi phạm.

Biên bản được lập thành.....bản có nội dung và giá trị như nhau, và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản và.....<sup>9</sup>

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)<sup>10</sup>:

Biên bản này gồm.....trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang.

**NGƯỜI VI PHẠM  
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI (NẾU CÓ)  
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC BỊ  
THIỆT HẠI)**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CHỨNG KIẾN (NẾU CÓ)**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN (NẾU CÓ)**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT  
VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lý do người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản<sup>11</sup>:

Lý do người bị thiệt hại, đại diện tổ chức bị thiệt hại không ký biên bản<sup>12</sup>:.....

<sup>8</sup> Ghi rõ địa chỉ trụ sở nơi cá nhân, tổ chức vi phạm phải có mặt.

<sup>9</sup> Ghi cụ thể những người, tổ chức được giao biên bản.

<sup>10</sup> Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

<sup>11, 12</sup> Người lập biên bản phải ghi rõ lý do những người này từ chối không ký biên bản.

**Mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

(ban hành kèm theo Thông tư số /2004/TT-BTC ngày tháng 3 năm 2004 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-XPHC

A<sup>13</sup>....., ngày.....tháng.....năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ**  
**LĨNH VỰC KINH DOANH BẢO HIỂM**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Điều.....Nghị định số 118/2003/NĐ-CP ngày 13/10/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do<sup>14</sup>.....lập hồi.....giờ.....ngày..... tháng..... năm.....tại.....

Tôi,.....<sup>15</sup>; Chức vụ: .....

Đơn vị .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức<sup>16</sup>: .....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động): .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc Đăng ký kinh doanh.....;

Cấp ngày.....tại.....;

**Với các hình thức sau:**

**1. Hình thức xử phạt chính:**

<sup>13</sup> Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

<sup>14</sup> Ghi họ tên, chức vụ người lập biên bản.

<sup>15</sup> Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

<sup>16</sup> Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Cảnh cáo/phạt tiền với mức phạt là:.....đồng. (Viết bằng chữ: .....).

**2. Hình thức phạt bổ sung (nếu có):**

- 1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề: .....
- 2. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính gồm:.....

**3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):**

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính: <sup>17</sup> .....

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....của Nghị định số 118/2003/NĐ-CP ngày 13/10/2003 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm: .....

**Điều 2.** Ông (bà)/tổ chức.....phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt là ngày.....tháng.....năm.....trừ trường hợp được hoãn chấp hành hoặc.....<sup>18</sup>

Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chức.....cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số:..... của Kho bạc Nhà nước.....<sup>19</sup> trong vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng..... năm.....<sup>20</sup>

***Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:***

- 1. Ông (bà)/tổ chức: ..... để chấp hành
- 2. Kho bạc..... để thu tiền phạt
- 3.....

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

<sup>17</sup> Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

<sup>18</sup> Ghi rõ lý do.

<sup>19</sup> Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc.

<sup>20</sup> Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.

LawSoft \* Tel: +84 9 3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com